

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15/01/2026

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Phương;

Ông Nguyễn Quý Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Viết Diệu Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Số 283 thôn P, xã T, tỉnh L. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số 283 thôn P, xã T, tỉnh L. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hồng T sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện H, tỉnh B (nay là xã T, tỉnh L) ngày 09/11/1995. Sau khi kết hôn bà và ông Nguyễn Hồng T sống chung tại thôn P, xã T. Quá trình chung sống, giữa bà và ông Thái thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T nghiện rượu, thường xuyên ăn nhậu rồi kiếm chuyện, gây gổ, đánh đập bà. Năm 2001, do không thể

chịu đựng, bà đã bỏ đi làm, không còn sống chung với ông T, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến năm 2019, bà và ông T đã tự hòa giải hàn gắn nhưng ông T vẫn chứng nào tật nấy, không có sự thay đổi, có lần ông T đánh bà phải nhập viện. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống hạnh phúc được, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hồng T.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà và ông Nguyễn Hồng T có 02 con chung, họ tên là Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 26/6/1997 và Nguyễn Thị Thu N1, sinh ngày 13/4/1999. Hiện các con chung đã trưởng thành, trên 18 tuổi, có sức khỏe, trí tuệ bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Hồng T nhưng ông Thái không đến Tòa làm việc, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng của ông Nguyễn Hồng T và bà Nguyễn Thị N tại địa phương. Kết quả xác minh thể hiện ông Nguyễn Hồng T và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng cùng sống chung tại thôn P, xã T, tỉnh L. Quá trình chung sống giữa ông T và bà N có xảy ra mâu thuẫn ông T đánh bà N, chính quyền địa phương phải đến hòa giải, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể gì thì địa phương không biết rõ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Qua lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hồng T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hồng T có 02 con chung, họ tên là Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 26/6/1997 và Nguyễn Thị Thu N1, sinh ngày 13/4/1999. Các con chung đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[2] Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị N khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hồng T. Người bị kiện là ông Nguyễn Hồng T có địa chỉ cư trú tại xã T, tỉnh L. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hồng T tự nguyện sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, có thể xác định quá trình chung sống bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hồng T xảy ra bất đồng mâu thuẫn kéo dài, không thể hóa giải được; tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hồng T có 02 con chung, họ tên là Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 26/6/1997 và Nguyễn Thị Thu N1, sinh ngày 13/4/1999. Xét thấy, các con chung của bà N và ông T đã trưởng thành trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N; bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Hồng T.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003568 ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; như vậy, bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Hội